

Bản án số: **16/2019/DS-PT**

Ngày: 21-3-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

*Các Thẩm phán:* Ông **Vũ Hồng Luyến**

Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Quốc Bình** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Ông **Phùng Đức Nam**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 và 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Phan Thái T**, sinh năm 1965.

Bà **Nguyễn Vũ Anh H** (tên thường gọi là **H1**), sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: số nhà M, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn:* Ông **Đào Viện T**, sinh năm 1968 và ông **Lê Quang Y**, sinh năm 1970 – Luật Sư thuộc công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:**

1. Anh **Ninh Phan Thế C**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà H, ấp P (nay là ấp P1), xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 75/14A, Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị **Vũ Thị Ngọc T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà H, ấp P (nay là ấp P1), xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C:* Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1962 – Luật Sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai và ông **Trần Minh H** – Công ty luật TNHH hai thành viên trở lên V - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự và các Luật sư có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm;

**- Nguyên đơn ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H trình bày:**

Vợ chồng ông T, bà H có cho vợ chồng anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T vay tiền thành nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 20/06/2015, vợ chồng anh C vay của vợ chồng ông T số tiền là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng).

Lần 02: Vào ngày 04 /10/2015, vợ chồng anh C vay của vợ chồng ông T số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng).

Lần 03: Vào ngày 15/10/2015, vợ chồng anh C vay của vợ chồng ông T số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng anh C vay là 3.300.000.000đ (ba tỷ ba trăm triệu đồng).

Tất cả ba lần vay nêu trên đều lập giấy tờ vay do chị Vũ Thị Ngọc T trực tiếp viết và ký tên xác nhận. Theo đó, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là khi nào vợ chồng ông T yêu cầu thì sẽ báo trước ba tháng để vợ chồng anh C chuẩn bị tiền và thanh toán theo đúng thỏa thuận.

Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, vợ chồng anh C chỉ mới thanh toán được bốn tháng tiền lãi đối với số tiền vay 1.900.000.000đ với lãi suất 2%/tháng.

Vợ chồng ông T xác định đối với những lần vay nêu trên, người trực tiếp giao dịch nhận tiền có khi là anh C, có khi là chị T cũng có khi cả hai vợ chồng cùng lên nhận tiền.

Vào năm 2016, vợ chồng anh C đã thanh toán cho vợ chồng ông T được số tiền là 30.000.000đ. Số tiền này được thanh toán thành 02 lần, cụ thể:

Lần 01 là vào ngày 25/6/2016 do anh C trực tiếp mang lên 15.000.000đ cho vợ chồng ông T;

Lần 02 là vào ngày 25/12/2016 do anh L (anh L là bạn của anh C được anh C nhờ mang tiền lên gửi cho vợ chồng ông T) trực tiếp đưa cho vợ chồng ông T với số tiền 15.000.000đ.

Vợ chồng ông T xác định số tiền 400.000.000đ mà mẹ anh C thanh toán cho vợ chồng ông T không nằm trong tổng số tiền 3.300.000.000đ mà vợ chồng ông T khởi kiện.

Mặc dù vợ chồng ông T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh C có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và tiền lãi nhưng vợ chồng anh C cố tình trốn tránh không thanh toán.

Tại Đơn khởi kiện vợ chồng ông bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông số

tiền gốc là 3.300.000.000đ (ba tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến thời điểm khởi kiện là 1.876.000.000đ (một tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Tuy nhiên, nay vợ chồng ông bà xin rút, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi, cụ thể như sau:

Đối với số tiền gốc: Do vợ chồng anh C đã thanh toán được số tiền gốc là 30.000.000đ (số tiền này được thanh toán thành 02 lần, mỗi lần là 15.000.000đ: Lần 01 là vào ngày 25/6/2016, lần hai vào ngày 25/12/2016) nên vợ chồng ông T xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền gốc là 30.000.000đ. Nay vợ chồng ông T chỉ yêu cầu vợ chồng anh C thanh toán số tiền gốc là 3.270.000.000đ (ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Đối với số tiền lãi: Vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng anh C có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét xử.

Ngoài ra, vợ chồng ông không yêu cầu gì thêm.

**- Bị đơn chị Vũ Thị Ngọc T trình bày:**

Chị là vợ của anh Ninh Phan Thế C. Chị là cháu dâu của vợ chồng ông T, bà H. Anh C là cháu ruột của ông Phan Thái T.

Chị thừa nhận chị có vay tiền nhiều lần của vợ chồng ông T, bà H và còn thiếu lại tổng số tiền gốc là 3.300.000.000đ (ba tỷ ba trăm triệu đồng) theo các giấy vay mà ông T, bà H cung cấp, cụ thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 20/06/2015, chị có vay của vợ chồng ông T, bà H số tiền là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng).

Lần 02: Vào ngày 04 /10/2015, chị có vay của vợ chồng ông T, bà H số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng).

Lần 03: Vào ngày 15/10/2015, chị có vay của vợ chồng ông T, bà H số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Tất cả các giấy tờ vay do chị trực tiếp viết và ký tên xác nhận. Theo đó, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là trong vòng ba tháng kể từ ngày vay chị phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông T, nếu không thanh toán đúng thời hạn thì chị sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng.

Đối với việc vợ chồng ông T khai báo chị đã thanh toán được 04 (bốn) tháng tiền lãi với lãi suất 2%/tháng đối với số tiền vay 1.900.000.000đ thì chị không đồng ý. Chị xác định chị chưa thanh toán tiền lãi nào cho nguyên đơn. Hai bên chỉ thỏa thuận khi nào trả tiền gốc thì sẽ thanh toán tiền lãi luôn.

Tất cả các giao dịch vay tiền giữa chị và vợ chồng ông T thì chị là người trực tiếp giao dịch, chồng chị là anh C không được biết và chị cũng không nói cho anh C. Đến khi vợ chồng ông T liên tục yêu cầu chị thanh toán thì anh C mới biết sự việc này. Đối với số tiền 400.000.000đ mà mẹ chồng chị đã thanh toán cho vợ chồng ông T thì chị xác định số tiền này không nằm trong số tiền 3.300.000.000đ mà vợ chồng ông T khởi kiện tại Tòa án.

Vào năm 2016, chị đã thanh toán cho vợ chồng ông T được số tiền là 30.000.000đ, số tiền này được thanh toán thành 02 lần. Lần 01 là vào ngày 25/6/2016 với số tiền 15.000.000đ; Lần thứ hai là vào ngày 25/12/2016 với số tiền 15.000.000đ.

Mục đích chị vay tiền của vợ chồng ông T là để cho vay lại để kiếm lời. Đồng thời, chị còn sử dụng tiền vay để kinh doanh dịch vụ cầm đồ và chơi hụi do chị làm chủ hụi.

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chị vẫn chưa thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông T.

Nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 3.270.000.000đ (ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét xử thì chị đồng ý thanh toán. Tuy nhiên chị xin được trả dần.

***Bị đơn anh Ninh Phan Thế C trình bày:***

Anh là chồng của chị Vũ Thị Ngọc T và là cháu ruột của vợ chồng ông T, bà H.

Anh xác định tất cả các giao dịch vay tiền giữa vợ anh là chị T và vợ chồng ông T, bà H và việc chị T còn thiếu lại số tiền 3.300.000.000đ (ba tỷ ba trăm triệu đồng) của vợ chồng ông T thì anh hoàn toàn không biết.

Cho đến khi vợ chồng ông T liên tục yêu cầu chị T thanh toán thì anh mới biết sự việc này. Vào năm 2015, chị T đang kinh doanh dịch vụ cầm đồ, thời điểm này anh đang học nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cũng thỉnh thoảng về địa phương rồi lên lại.

Trong năm 2016, chị T đã thanh toán cho vợ chồng ông T được số tiền là 30.000.000đ, số tiền này được thanh toán thành 02 lần. Anh chỉ nhớ lần thứ hai đưa tiền (số tiền là 15.000.000đ) là do anh nhờ anh L bạn của anh đưa cho vợ chồng ông T, còn lần thứ nhất thì anh không nhớ vì thời gian đã quá lâu.

Nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 3.270.000.000đ (Ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét xử thì anh không đồng ý cùng chị T có trách nhiệm thanh toán số tiền này do anh không vay tiền và cũng không biết giao dịch vay tiền này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ:

- Điều 157, 429 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 290, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H đối với anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T.

Buộc anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả nợ) cho ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H số tiền gốc là 3.270.000.000đ (ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.356.412.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn

đồng). Tổng cộng là 4.626.412.000đ (bốn tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 112.629.500đ (một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Ngày 06/11/2018 bị đơn anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

***- Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Ninh Phan Thế C cho rằng:***

Bản án sơ thẩm giải quyết là không thuyết phục. Bởi lẽ: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ 3 giấy vay tiền được làm tại thời điểm vay tiền hay chỉ là giấy nhận nợ. Suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh C không thừa nhận trách nhiệm cùng trả nợ với chị T. Việc chị T vay tiền của nguyên đơn anh C hoàn toàn không tham gia. Thời điểm chị T viết giấy nợ thì anh C đang cư trú ở thành phố Hồ Chí Minh nên không tham gia, không biết được việc vay nợ của chị T. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ những nội dung trên mà buộc anh C cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của người làm chứng Trần Thị T1 ở thời điểm chỉ mới 15 tuổi là không đảm bảo tin cậy.

Đối với khoản tiền 400.000.000đ do bà N là mẹ của anh C đã trả chưa được làm rõ là trả cho khoản tiền nào. Cấp sơ thẩm chấp nhận người làm chứng là chị N1 là cháu ruột của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở khách quan. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn đã đề nghị HĐXX tạm ngưng phiên tòa để mời bà Phan Thị N về Việt Nam nhằm làm rõ số tiền 400.000.000đ và đưa bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng HĐXX không chấp nhận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng.

Việc thụ lý vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng thẩm quyền bởi lẽ tại thời điểm Tòa án thụ lý, kết quả xác minh bị đơn không có mặt ở tại địa phương mà anh C cư trú ở Thành phố HCM.

Đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

***- Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H cho rằng:***

Lời khai của anh C và chị T từ cơ quan công an và quá trình Tòa án tiến hành tố tụng là thống nhất về số tiền nợ. Chứng tỏ anh C biết rõ việc chị T vay tiền và việc làm ăn của chị T. Việc chị T vay nợ số tiền lớn để kinh doanh thì anh C là chồng của chị T buộc phải biết. Việc kinh doanh là nhằm mục đích phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của gia đình bao gồm việc nuôi hai con chung của anh C, chị T. Điều này cũng phù hợp với việc chị T viết các giấy vay tiền đều

có nội dung ghi rõ: “ vợ chồng chúng tôi có vay...”. Ngoài ra chị T cũng khai vợ chồng còn vay, nợ ngân hàng...

Cấp sơ thẩm không đưa bà N tham gia tụng là phù hợp bởi lẽ nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận số tiền 400.000.000đ bà N trả là một khoản tiền khác không nằm trong số tiền 3,3 tỷ mà nguyên đơn kiện đòi trong vụ án này. Đề nghị ngưng phiên tòa của bị đơn ở cấp sơ thẩm để mời bà N về tham gia phiên tòa là không cần thiết, không hợp lý nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ. Việc Luật sư của bị đơn cho rằng anh C không cư trú ở địa phương nên không nhận tiền, không biết việc vay nợ là không có căn cứ. Việc Luật sư của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án không đúng thẩm quyền do bị đơn không có mặt ở địa phương tại thời điểm Tòa án thụ lý là lập luận không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### ***Phát biểu của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng do không đưa bà N là mẹ của anh C tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không ngưng phiên tòa theo đề nghị của bị đơn để bà N về nước tham gia tố tụng vì bà N có trả thay 400.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tiếp tục đề nghị tạm ngưng phiên tòa xét thấy: Nếu bị đơn xác định bà N là nhân chứng thì nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn. Bị đơn có quyền và nghĩa vụ mời hoặc liên hệ để bà N có lời khai, có văn bản xác nhận theo quy định của pháp luật. Suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, bị đơn không thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có kháng cáo. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, bị đơn đã làm đơn xin hoãn phiên tòa để bà N và nguyên đơn, bị đơn bàn bạc, thương lượng. Đến nay, qua nhiều tháng, Tòa án cũng đã nhiều lần hoãn phiên tòa để bị đơn tìm giải pháp hòa giải nhưng bị đơn không thực hiện được. Số tiền 400.000.000đ bị đơn là chị T, anh C đều thừa nhận “mẹ hỗ trợ trả 400.000.000, còn nợ lại 3,3 tỷ đồng” – BL

93. Như vậy, số tiền bà N trả 400.000.000đ theo chính lời thừa nhận của bị đơn thì không nằm trong số tiền 3,3 tỷ nguyên đơn kiện đòi trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không đưa bà N tham gia tố tụng là có căn cứ.

[3] Kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh C cho rằng anh C không biết việc chị T vay nợ tiền và không có trách nhiệm trả xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các giấy vay tiền do chị T viết có nội dung: “Vợ chồng chúng tôi có vay tiền...” BL – 53,54,55. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư của bị đơn và chị T khẳng định các giấy vay thực tế chỉ là xác nhận nợ chứ không được viết vào thời điểm nhận tiền. Như vậy, việc xác nhận “vợ chồng vay tiền” là do chị T xác nhận nên chị kháng cáo cho rằng anh C không biết việc vay là không hợp lý. Mặc dù các giấy vay tiền chỉ có một mình chị T ký tên nhưng quá trình thương lượng, đòi và trả nợ thì anh C và gia đình có biết và đã xác nhận việc anh C có trách nhiệm cùng trả nợ bằng việc mẹ ruột anh C đứng ra trả giùm 400.000.000đ còn nợ lại 3,3 tỷ đồng như anh C, chị T đã xác nhận - BL 93. Đồng thời, trong quá trình Tòa sơ thẩm tiến hành tố tụng thì anh C, chị T đã thỏa thuận tại biên bản Hòa giải thành ngày 19/6/2018 thống nhất hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ (BL 71-74). Mặc dù chị T xác nhận việc vay tiền để cho vay lại, chơi hụi thì cũng nhằm mục đích tăng thu nhập phục vụ cuộc sống chung của cả gia đình trong đó có việc nuôi con chung. Nếu chị T bị người khác nợ chưa trả thì chị T có quyền khởi kiện đòi nợ. Việc kinh doanh có lời thì vợ chồng cùng hưởng, rủi ro thì cùng phải có trách nhiệm chia xẻ. Việc anh C chị T cho rằng anh C ở Sài Gòn không sống chung nhưng hai người vẫn có con chung và anh C xác nhận vài tháng về Tân Phú một lần cùng chị T chăm sóc con chung nên anh C cho rằng không biết việc kinh doanh vay nợ của chị T là không có cơ sở.

Kháng cáo của chị T, anh C cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi không nêu cụ thể từng khoản, điều này là không chính xác vì trong phần nhận định của bản án sơ thẩm đã tính toán cụ thể từng khoản lãi của từng khoản nợ. Tuy nhiên, trong phần nhận định của Tòa án, tổng tiền lãi được tính là 1.359.587.500đ, tổng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả là 4.629.587.500đ nhưng trong phần Quyết định chỉ tuyên tiền lãi là 1.356.412.000đ, tổng gốc và lãi bị đơn phải trả là 4.626.412.000đ, chênh lệch thấp hơn 3.175.500đ là bất lợi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không kháng cáo nên không cần sửa bản án sơ thẩm.

Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Việc Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh C cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý sai thẩm quyền do khi thụ lý bị đơn không có mặt ở địa phương là không đúng vì đơn khởi kiện nguyên đơn ghi đúng địa chỉ của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng khẳng định địa chỉ cư trú từ trước đến nay là Số nhà H, ấp P... đúng như địa chỉ nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện và hiện chị T vẫn cư trú tại địa chỉ

này. Do vậy không có cơ sở chấp nhận quan điểm này của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh C.

Quan điểm của các Luật sư của nguyên đơn cơ bản phù hợp chứng cứ và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp chứng cứ và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ninh Phan Thế C và Vũ Thị Ngọc T.

Áp dụng Điều 157, Điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 290, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H đối với anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả nợ) cho ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H số tiền gốc là 3.270.000.000đ (ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.356.412.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng). Tổng cộng là 4.626.412.000đ (bốn tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 112.629.500đ (một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí DSPT. Số tiền tạm ứng án phí kháng cáo anh Ninh Phan Thế C và chị Vũ Thị Ngọc T mỗi người đã nộp 300.000đ theo biên lai thu phí số 007182 và số 007183 ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí đương sự phải chịu. Anh C chị T đã nộp đủ án phí DSPT.



Trả lại cho ông Phan Thái T và bà Nguyễn Vũ Anh H số tiền 56.588.000đ (năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng) ông T, bà H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 009161 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***\*Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

